

V/v: Báo giá dự toán Mua sắm vật tư xử lý tồn
tại bất thường phần Cơ năm 2026

Đồng Nai, ngày 30 tháng 09 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị tham gia chào dự toán

Hiện nay, PVPower NT2 đang xây dựng dự toán công tác Mua sắm vật tư xử lý tồn tại bất thường phần Cơ năm 2026 với danh mục và thông số kỹ thuật của hàng hóa chi tiết như Phụ lục 1 đính kèm.

PVPower NT2 kính mời các Quý Công ty quan tâm gửi báo giá và các tài liệu kỹ thuật, thông tin về hàng hóa (nhà sản xuất, xuất xứ, chứng từ cung cấp CO, CQ đính kèm hàng hóa ...) thời gian giao hàng cụ thể mà Quý Công ty chào trong bản báo giá cho PVPower NT2 theo thông tin như sau:

- Hình thức gửi báo giá: gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc bằng fax/ Email;
- Thông tin tiếp nhận báo giá: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Ấp 3, xã Đại Phước, TP. Đồng Nai; Điện thoại: 0251 2225899; Fax : 0251 2225897; Email: vanthu@pvnt2.com.vn
- Thời gian tiếp nhận báo giá: trước 16h00 ngày 12/10/2026.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD (thay b/c);
- P.KTSX, P.TCKT;
- Lưu VT, P. TMTTĐ.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trung Thu



Phụ lục: Danh mục và đặc tính kỹ thuật/Quy cách

STT	Tên thiết bị/vật tư	- Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác, sản phẩm, Thông số kỹ thuật, nhà sản xuất tham chiếu/ tương đương...)	Đơn vị tính	Số lượng	Chứng từ cung cấp	Ghi chú
1	Globe valve	Globe valve, Size: 1" , Class 1500 ANSI BW (SCH160) ENDS WB, OS & Y ASME SA105/13Cr Trim Seat & Disc S.T.L Drwg No 22-21L1-2RP-711 Nhà sản xuất tham chiếu: SEO-HEUNG METALCO.,LTD	Cái	8		
2	Globe valve	Globe valve, Size: 2" , Class 1500 ANSI BW (SCH160) ENDS WB, OS & Y ASME SA105/13Cr Trim Seat & Disc S.T.L Drwg No 22-21L1-2RP-711 Nhà sản xuất tham chiếu: SEO-HEUNG METALCO.,LTD	Cái	4		
3	Ball collector	Type: C13 Serial No. 2009/00/2101-K1 Serial No. 2009/00/2101-K2 Part list: QA2009/00/2101-0022 Drawing: K2009/00/2101-0508 Nhà sản xuất tham chiếu: Taprogge				
3.1	Actuaion					

STT	Tên thiết bị/vật tư	- Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác, sản phẩm, Thông số kỹ thuật, nhà sản xuất tham chiếu/ tương đương...)	Đơn vị tính	Số lượng	Chứng từ cung cấp	Ghi chú
3.1.1	Shaft	Pos.: 2.1	Cái	2		
3.1.2	Sheet	Pos.: 2.7	Cái	2		
3.1.3	Washer	Pos.: 2.8	Cái	6		
3.1.4	Hexagon nut	Pos.: 2.9	Cái	8		
3.2	Internal parts					
3.2.1	Housing	Pos.: 3.1	Cái	2		
3.2.2	Collecting valve	Pos.: 3.2	Cái	2		
3.2.3	Basket	Pos.: 3.3	Cái	2		
3.2.4	Slotted countersunk flat head screw	Pos.: 3.4	Cái	8		
3.3	Cover					

STT	Tên thiết bị/vật tư	- Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác, sản phẩm, Thông số kỹ thuật, nhà sản xuất tham chiếu/ tương đương...)	Đơn vị tính	Số lượng	Chứng từ cung cấp	Ghi chú
3.3.1	Sight glass	Pos.: 5.1	Cái	2		
3.3.2	Hexagon nut	Pos.: 5.3	Cái	8		
3.3.3	Gasket	Pos.: 5.4	Cái	8		
3.3.4	Hexagon bolt	Pos. 11	Cái	12		
3.3.5	Threaded pin	Pos. 12	Cái	4		
3.3.6	Lifting eye nut	Pos. 13	Cái	4		
3.3.7	Threaded insert	Pos. 14	Cái	14		
3.3.8	Antiseize/lubricating stuff	Pos. 16	Cái	2		

